

Thứ ba, ngày 5 tháng 9 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng phiên thứ 5 liên tiếp

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 6/9/2023		●	
Tuần 4/9-8/9/2023		●	
Tháng 09/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường bật tăng ngay từ khi mở cửa, giằng co tại vùng 1,230 – 1,235 cả ngày trước khi đóng cửa tại mốc 1,234.98 điểm, tăng gần 11 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Du lịch và Giải trí dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Mặc dù VN-Index đang trải qua một đợt hồi phục nhưng thanh khoản vẫn thấp. Tuy nhiên, thị trường đang cho thấy tâm lý tích cực nhiều hơn. Trong những phiên tới, thị trường có thể tiến lên ngưỡng kháng cự cũ 1,245.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 05/09/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+10.93** điểm, đóng cửa **1234.98** điểm. HNX-Index **+2.53** điểm, đóng cửa **252.28** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.4)**, **VNM (+1.2)**, **MBB (+0.85)**, **BID (+0.7)**, **VHM (+0.65)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SSB (-0.37)**, **BCM (-0.23)**, **EIB (-0.17)**, **KDC (-0.13)**, **KDH (-0.13)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,788** tỷ đồng, tăng **9.32%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **24,585** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **7.51** điểm. Thị trường có **366** mã tăng, **54** mã tham chiếu, **141** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-390.62** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SSI (-187.7 tỷ)**, **VIC (-178.74 tỷ)**, **HPG (-107.29 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **5.22** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 +0.27%**. Các mã diễn biến tích cực: **DGC (+4.00%)**, **MBB (+3.51%)**, **VNM (+2.96%)**
- BSC50 -0.15%**. Các mã diễn biến tích cực: **PC1 (+6.84%)**, **NVL (+4.65%)**, **NT2 (+3.94%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Du lịch và Giải trí	2.61%	Bảo hiểm	0.67%
Dầu khí	1.56%	Hàng cá nhân & Gia	0.60%
Hóa chất	1.52%	Bất động sản	0.49%
Truyền thông	1.43%	Dịch vụ tài chính	0.33%
Xây dựng và Vật liệu	1.41%	Công nghệ Thông	0.14%
Thực phẩm và đồ uống	1.10%	Y tế	-0.11%
Hàng & Dịch vụ Công	1.05%	Ô tô và phụ tùng	-0.76%
Điện, nước & xăng dầu khí	1.01%	VNSML	0.89%
Ngân hàng	1.01%	VN30	0.82%
Bán lẻ	0.77%	VNMID	0.66%
Tài nguyên Cơ bản	0.68%		

Báo cáo doanh nghiệp chi tiết xem tại:

[Link](#)

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1234.98**

Giá trị: 21788.48 tỷ **10.93 (0.89%)**

Khối ngoại (ròng): -390.62 tỷ

HNX-INDEX **252.28**

Giá trị: 2117.1 tỷ **2.53 (1.01%)**

Khối ngoại (ròng): 5.22 tỷ

UPCOM-INDEX **94.29**

Giá trị: 792.13 tỷ **0.97 (1.04%)**

Khối ngoại (ròng): -1.8 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	85.9	0.45%
Giá vàng	1,939	-0.01%
Tỷ giá USD/VND	23,959	-0.08%
Tỷ giá EUR/VND	25,858	-0.42%
Tỷ giá JPY/VND	16,349	-0.75%
LS liên NH 1 tháng	1.2%	0.18%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-0.20%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	195.09	SSI	-187.70
TPB	158.59	VIC	-178.74
VHM	66.96	HPG	-107.29
GMD	42.90	FUEVFVNI	-67.22
PVT	33.93	STB	-36.62

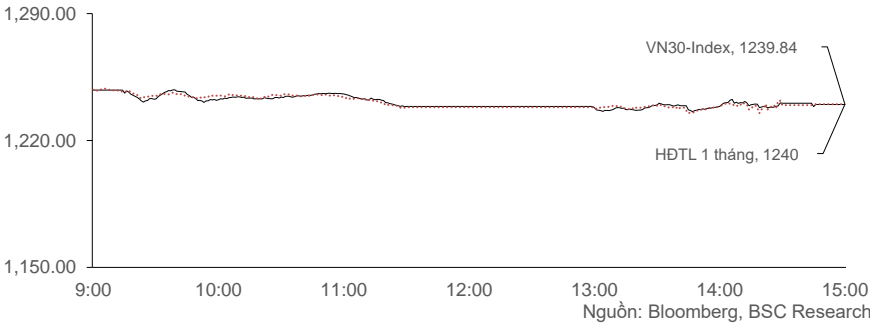
Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2312	1235.10	0.72%	-9.54	271.0%	115	12/21/2023	109
VN30F2403	1226.00	0.62%	-18.64	-70.2%	45	3/21/2024	200
VN30F2310	1242.00	0.79%	-2.64	-12.9%	377	10/19/2023	46
VN30F2309	1242.50	0.77%	-2.14	-23.6%	139,348	9/21/2023	18

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 10.11 điểm lên 1244.64 điểm, biên độ dao động 10.37 điểm. Các cổ phiếu như VNM, MBB, TCB, VJC, và VHM đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 kết phiên tăng 0.82%. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HDTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HDTL đều tăng trừ HDTL VN30F2403 và VN30F2309. Xét về vị thế mở, các HDTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKXS
CVNM2302	2/10/2023	27	10:1	759,200	1.10%	69,944	1,140	21.28%	1,078	1.06	80,984	80,100	80,100
CMBB2307	4/12/2023	90	4:1	499,800	6.32%	18,000	590	18.00%	491	1.20	20,360	19,150	19,150
CVNM2307	4/12/2023	90	8:1	214,200	6.62%	75,000	1,300	16.07%	934	1.39	85,400	80,100	80,100
CMBB2308	31/1/2024	148	4:1	123,700	10.39%	18,500	660	15.79%	514	1.28	21,140	19,150	19,150
CVNM2301	30/10/2023	55	10:1	360,000	2.27%	66,715	1,570	15.44%	1,437	1.09	81,920	80,100	80,100
CMBB2215	1/11/2023	57	2:1	99,800	1.97%	15,269	2,510	15.14%	2,370	1.06	19,527	19,150	19,150
CMBB2310	24/1/2024	141	2:1	6,600	12.38%	19,000	1,260	14.55%	874	1.44	21,520	19,150	19,150
CPOW2303	25/12/2023	111	2:1	34,700	24.41%	15,333	420	13.51%	205	2.05	16,173	13,000	13,000
CHDB2301	30/10/2023	55	3:1	194,300	8.79%	16,827	510	13.33%	306	1.67	18,603	17,100	17,100
CVNM2303	1/12/2023	87	10:1	115,000	4.34%	67,791	1,630	12.41%	1,377	1.18	83,577	80,100	80,100
CPOW2310	24/1/2024	141	1:1	6,900	18.92%	14,000	1,460	12.31%	925	1.58	15,460	13,000	13,000
CNVL2305	26/6/2024	295	4:1	227,000	17.57%	16,999	2,040	12.09%	1,404	1.45	25,159	21,400	21,400
CHDB2304	25/3/2024	202	3:1	2,400	24.80%	18,277	880	11.39%	391	2.25	21,341	17,100	17,100
CVNM2304	1/3/2024	178	10:1	410,000	8.69%	68,760	1,890	11.18%	1,437	1.32	87,064	80,100	80,100
CHDB2302	23/11/2023	79	3:1	5,500	9.73%	16,536	640	10.34%	409	1.57	18,764	17,100	17,100
CMBB2305	2/1/2024	119	8:1	63,200	8.96%	14,419	760	10.14%	591	1.29	20,866	19,150	19,150
CMWG2309	6/5/2024	244	5:1	1,000	19.52%	54,000	2,180	10.10%	1,395	1.56	64,900	54,300	54,300
CVNM2305	26/2/2024	174	10:1	2,200	9.82%	71,020	1,750	10.06%	1,247	1.40	87,968	80,100	80,100
CVNM2308	6/5/2024	244	8:1	11,500	10.21%	69,000	2,410	10.05%	1,841	1.31	88,280	80,100	80,100
CNVL2302	23/11/2023	79	4:1	256,300	5.11%	16,333	1,540	10.00%	1,319	1.17	22,493	21,400	21,400
Tổng				3,393,300	10.60%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
***Giá lý thuyết** được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 5/9/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CVNM2302 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 21.27%. Giá trị giao dịch tăng 22.49%. CMBB2215 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.9%.
- CVIC2305, CTCB2212, CNVL2301, và CNVL2303 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CNVL2305, CNVL2302, CHPG2306, và CPDR2301 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CNVL2301, CNVL2303, CSTB2224, và CHPG2302 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	90.10	1.12	1.40	1.94MLN
VNM	80.10	2.96	1.20	6.84MLN
MBB	19.15	3.51	0.85	21.47MLN
BID	47.50	1.17	0.70	1.36MLN
VHM	55.30	1.10	0.65	9.06MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
SSB	27.50	-2.14	0	1.41MLN
BCM	71.30	-1.25	0	256600
EIB	25.55	-1.73	0	11.91MLN
KDC	65.00	-2.84	0	1.04MLN
KDH	36.30	-1.89	0	2.60MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNA	7.20	6.98	0.01	887000.00
EVG	6.90	6.98	0.02	5.63MLN
CNG	31.55	6.95	0.02	608500
TN1	16.25	6.91	0.01	98600
VAF	13.20	6.88	0.01	5100

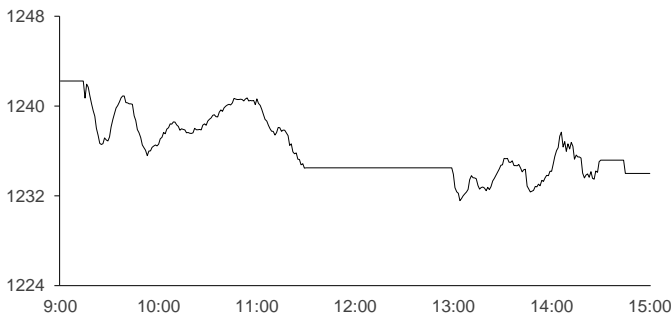
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SSB	27.50	-2.14	-0.37	1.41MLN
BCM	71.30	-1.25	-0.23	256600
EIB	25.55	-1.73	-0.17	11.91MLN
KDC	65.00	-2.84	-0.13	1.04MLN
KDH	36.30	-1.89	-0.13	2.60MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

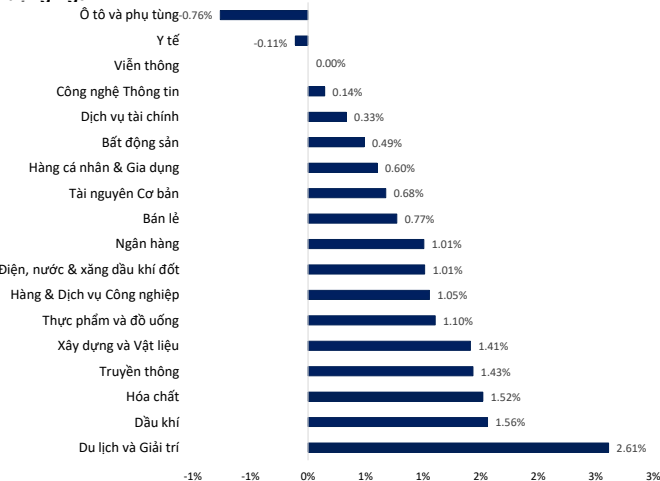
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành



Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	27.20	4.21	0.69	16.95MLN
PVS	36.50	2.82	0.39	8.71MLN
NVB	14.50	2.11	0.28	1.70MLN
BAB	14.10	1.44	0.24	11629.00
THD	36.70	0.82	0.19	95864

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	18.40	-1.08	-0.25	18.17MLN
VFS	27.70	-4.48	-0.14	474007
IPA	20.30	-1.93	-0.06	1.06MLN
SHN	7.70	-2.53	-0.04	5820
PRE	16.70	-6.18	-0.03	5701

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

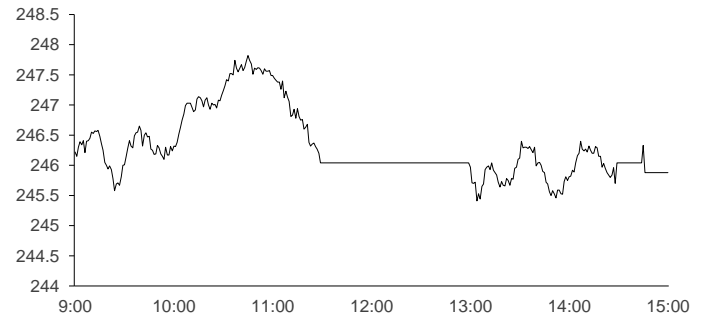
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CET	9.90	10.0	0.00	36821
S99	11.10	9.9	0.10	1.07MLN
C69	10.00	9.9	0.07	1.02MLN
SFN	21.20	9.8	0.00	400
TSB	39.10	9.8	0.02	48186

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AMC	19.80	-10.00	-0.01	100
SGD	19.40	-9.77	0.00	500
L40	19.00	-9.52	0.00	100
VE3	9.80	-9.26	0.00	4200
THS	12.20	-8.27	0.00	1300

Hình 2

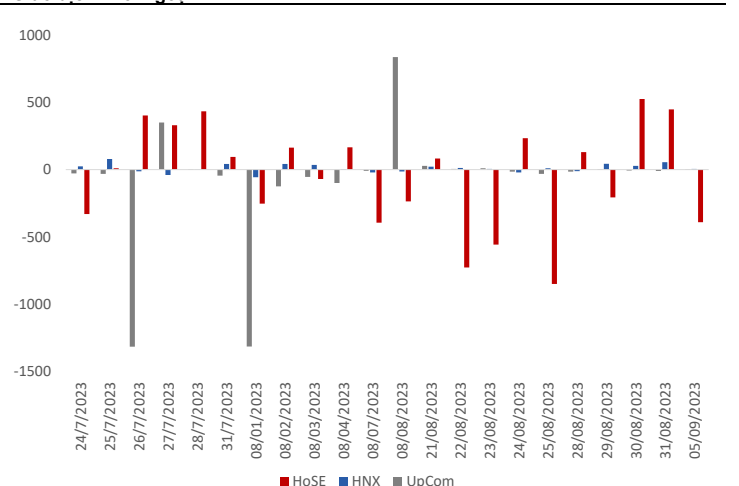
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4

Giao dịch khối ngoại



Danh mục BSC30

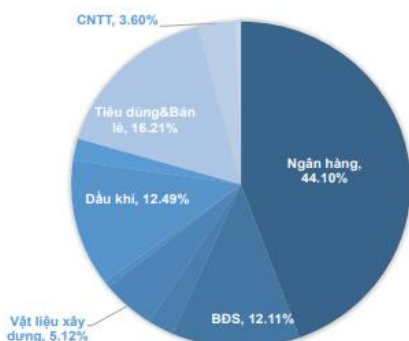
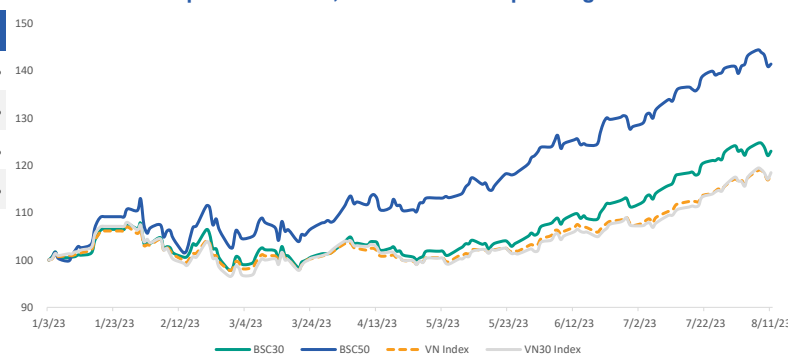
Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo
VCB	Ngân hàng	90.1	1.1%	0.8	21,895	7.6	7,311	12.3	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	47.5	1.2%	1.0	10,447	2.8	4,208	11.3	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	21.0	0.2%	1.2	6,129	13.3	3,972	5.3	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	35.0	1.4%	1.4	5,352	12.2	14,982	2.3	-	17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	19.2	3.5%	1.4	4,341	17.7	14,982	1.3	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	32.7	0.2%	1.3	2,680	32.1	4,640	7.0	31,200	30.0%	Link
GVR	BDS KCN	22.0	0.7%	1.1	3,826	3.1	4,603	4.8	19,100	23.2%	Link
KBC	BDS KCN	34.2	-0.7%	1.6	1,141	16.3	4,880	7.0	34,000	29.2%	Link
IDC	BDS KCN	47.7	0.4%	1.8	684	3.8	-	-	45,900	42.8%	Link
VGC	BDS KCN	48.6	1.3%	1.8	947	3.0	1,217	39.9	-	0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.8	0.7%	1.0	7,028	29.4	1,916	14.5	23,300	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	55.3	1.1%	0.9	10,469	21.6	1,896	29.2	79,900	10.6%	Link
VRE	BDS	30.2	-0.5%	1.1	2,979	6.5	5,227	5.8	36,200	23.9%	Link
KDH	BDS	36.3	-1.9%	0.4	1,131	4.1	1,576	23.0	35,900	32.5%	Link
NLG	BDS	39.0	0.3%	1.6	651	4.3	2,557	15.3	46,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	91.0	4.0%	1.5	1,503	12.6	14,120	6.4	85,000	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	37.4	1.1%	1.2	635	4.1	6,793	5.5	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	31.7	2.1%	0.8	729	6.8	2,625	12.1	40,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	99.6	1.0%	0.7	8,288	1.8	2,292	43.5	110,500	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	39.2	1.6%	1.1	2,163	2.1	1,340	29.2	45,000	20.4%	Link
PVS	Dầu khí	36.5	2.8%	1.2	759	13.7	993	36.8	38,500	6.3%	Link
PVD	Dầu khí	25.9	1.6%	1.4	626	6.1	7,698	3.4	29,000	49.0%	Link
POW	Tiện ích	13.0	1.6%	1.1	1,324	5.2	3,895	3.3	14,500	55.8%	Link
VNM	Bán lẻ	80.1	3.0%	1.2	7,278	23.7	2,605	30.7	81,700	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	81.5	0.0%	1.2	5,070	5.1	3,456	23.6	27,700	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	54.3	0.9%	1.5	3,453	19.7	7,475	7.3	63,300	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	80.5	0.0%	0.8	1,148	1.2	2,965	27.2	83,500	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	77.1	-0.4%	1.2	615	3.7	12,800	6.0	90,900	30.5%	Link
GMD	Logistics	63.6	1.4%	0.7	833	7.4	7,059	9.0	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	96.8	0.1%	0.7	5,345	6.1	5,901	16.4	96,300	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.74%	-0.46%	-0.66%	-0.64%
1 tuần	0.43%	1.62%	1.11%	1.52%
1 tháng	14.01%	14.94%	11.42%	12.63%
3 tháng	19.69%	24.10%	16.61%	17.52%

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	32.7	0.6%	1.1	6,822	8.5	3,636	9.0	1.3	27.6%	15.9%
ACB	Ngân hàng	22.8	0.7%	1.0	3,842	7.6	3,723	6.1	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	17.1	1.5%	0.9	2,151	3.8	2,765	6.2	1.3	19.9%	22.3%
LPB	Ngân hàng	16.1	0.3%	1.4	1,790	3.1	1,659	9.7	1.4	3.8%	15.9%
VIB	Ngân hàng	20.6	1.2%	1.3	2,272	4.0	3,531	5.8	1.5	20.5%	28.5%
VND	Chứng khoán	23.5	0.0%	1.9	1,244	28.9	467	50.3	1.9	23.2%	3.8%
TPB	Ngân hàng	19.7	0.3%	1.1	1,881	7.9	2,697	7.3	1.4	29.4%	19.8%
SSI	chứng khoán	33.4	-0.1%	1.7	2,174	39.2	1,096	30.4	2.3		9.1%
CII	Xây dựng	22.9	2.2%	1.9	283	13.5	40	573.6	1.1	8.3%	0.2%
C4G	Xây dựng	14.6	1.4%	2.1	227	2.1	746	19.6	1.4	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	65.3	3.5%	1.9	211	2.8	916	71.3	0.6	44.3%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.6	2.3%	1.7	223	3.3	939	16.6	0.7	4.9%	4.2%
LCG	Xây dựng	13.5	2.3%	2.1	111	4.3	491	27.5	1.1	1.8%	3.7%
BCM	KCN	71.3	-1.2%	0.9	3,209	0.8	332	214.6	4.4	2.6%	2.8%
HUT	KCN	26.3	0.4%	1.6	399	4.7	161	163.8	2.3	1.9%	1.4%
PHR	KCN	51.1	0.4%	1.4	301	0.9	6,557	7.8	2.1	15.8%	26.8%
SZC	KCN	37.6	0.1%	1.9	196	1.4	1,393	27.0	2.8	3.1%	10.8%
HSG	Vật liệu	20.0	-0.3%	2.1	534	8.5	(2,105)		1.2	21.5%	-11.7%
HT1	Vật liệu	15.1	1.3%	1.5	251	0.5	166	90.8	1.2	3.0%	1.2%
NKG	Vật liệu	19.8	2.6%	2.2	227	10.2	(2,875)		1.0	10.4%	-13.1%
PTB	Vật liệu	57.5	-0.5%	1.1	167	1.2	5,227	11.0	1.5	18.0%	13.5%
KSB	Vật liệu	31.4	2.1%	1.7	104	3.1	1,291	24.3	1.2	3.3%	5.0%
NVL	BDS	21.4	4.6%	1.1	1,814	49.9	(347)		1.1	3.9%	-1.8%
DXG	BDS	22.1	-0.7%	2.3	586	16.6	(209)		1.4	18.5%	-1.4%
HDC	BDS	36.2	-0.3%	1.6	213	5.5	2,189	16.5	2.6	2.1%	17.2%
DIG	BDS	29.0	1.0%	2.5	768	21.9	138	209.2	2.3	5.7%	1.1%
IJC	BDS	16.4	-0.3%	2.0	180	1.8	1,490	11.0	1.1	5.6%	10.2%
BSR	Dầu khí	20.1	2.6%	1.4	2,710	8.9	4,750	4.2	1.2	0.4%	33.2%
PVT	Dầu khí	23.8	2.4%	1.2	334	4.5	3,055	7.8	1.2	13.2%	16.7%
PLC	Săm lốp	35.9	0.8%	1.8	126	0.3	1,202	29.9	2.3	1.3%	7.6%
DRC	Tiện ích	23.2	0.4%	1.2	120	0.2	1,971	11.7	1.6	12.1%	13.4%
REE	Tiện ích	63.8	1.6%	0.8	1,134	1.7	6,451	9.9	1.6	49.0%	17.2%
GEX	Tiện ích	24.8	0.2%	2.0	916	27.8	372	66.5	1.7	11.7%	2.5%
NT2	Tiện ích	29.0	3.9%	0.8	363	1.1	2,473	11.7	1.8	15.5%	15.6%
HDG	Tiện ích	30.8	-0.6%	1.7	409	3.3	2,656	11.6	1.7	22.9%	15.5%
PC1	Tiện ích	28.9	6.8%	1.4	340	7.0	980	29.5	1.5	5.6%	5.3%
GEG	Tiện ích	14.6	2.1%	1.1	217	0.5	842	17.3	1.6	45.9%	5.2%
BCG	Dầu khí	11.7	-0.4%	2.2	271	7.9	(78)		0.9	1.8%	-0.6%
SAB	Bán lẻ	158.8	0.5%	0.2	4,428	2.3	6,863	23.1	4.2	62.2%	19.1%
QNS	Bán lẻ	50.8	1.4%	0.5	788	2.5	4,226	12.0	2.1	16.3%	17.5%
FRT	Bán lẻ	82.6	-1.1%	1.5	489	3.9	(328)		6.5	33.3%	-2.5%
DGW	Bán lẻ	59.0	1.9%	2.0	429	5.0	3,066	19.2	3.8	22.8%	21.7%
DBC	Bán lẻ	25.6	3.2%	2.1	269	7.8	(48)		1.3	6.0%	-0.2%
PET	Bán lẻ	29.0	0.0%	2.3	135	1.2	850	34.1			3.7%
BAF	Bán lẻ	20.9	1.0%	1.5	130	1.5	1,188	17.6	1.6	0.1%	9.8%
ANV	Thủy sản	35.0	0.9%	1.6	203	1.9	2,092	16.7	1.6	3.7%	9.3%
VSC	Logistics	31.0	0.6%	0.5	180	1.6	1,344	23.1	1.5	3.0%	6.4%
HAH	Logistics	35.8	3.0%	1.2	164	4.3	5,358	6.7	1.5	4.3%	25.2%
CTR	Công nghệ	83.4	0.1%	1.4	415	1.0	4,226	19.7	5.7	9.8%	32.0%
TNG	Dệt may	20.2	0.0%	1.7	100	2.1	2,365	8.5	1.4	20.0%	17.3%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

